

BẢN TIN HÀNG NGÀY

06 Tháng 10 2025

Thị trường bùng nổ, hàng loạt mã tăng trần

- Vn-Index tăng điểm mỗi lúc 1 mạnh trong suốt cả ngày, và đóng cửa tăng 49.7 điểm
- Số lượng mã tăng điểm gấp 3.8 lần số lượng mã giảm điểm
- Nhóm chứng khoán tăng mạnh nhất, trong đó hàng loạt mã tăng trần như SSI VCI HCM VND VIX CTS SHS
- Nhiều cổ phiếu khác cũng tăng trần như VRE VPB HDG DIG PDR
- Hầu hết các nhóm ngành khác cũng tăng tốt
- Tóm lại, hôm nay là phiên bùng nổ, trong đó nhóm chứng khoán tăng tốt nhất, còn lại hầu hết các nhóm ngành khác cũng tăng tốt
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 27.5% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

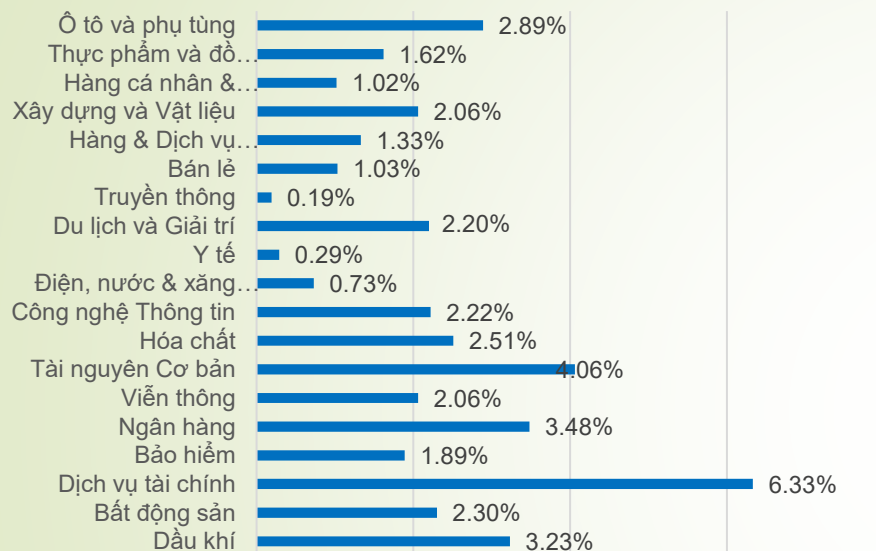


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,681.7	273.8	109.4
(+/-)	35.85	8.04	0.41
(%)	2.18%	3.03%	0.38%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	757	64	29
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	29,465	641	354
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,846)	(37)	(7)
Số mã tăng	259	117	169
Số mã giảm	68	49	86
Số mã giá không đổi	43	47	71

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	32.14	1.34
2	Nguyên vật liệu	18.03	1.61
3	Công nghiệp	14.29	2.09
4	Hàng Tiêu dùng	15.99	2.38
5	Dược phẩm và Y tế	16.49	1.62
6	Dịch vụ Tiêu dùng	21.49	4.38
7	Viễn thông	28.27	5.27
8	Tiện ích Cộng đồng	13.69	1.66
9	Tài chính	22.31	2.29
10	Ngân hàng	10.92	1.74
11	Công nghệ Thông tin	18.12	3.72

- Sáng ngày 8/10, theo giờ Việt Nam, quỹ FTSE sẽ công bố kết quả chính thức về việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi hạng 2
- Hiện tại, xác suất được nâng hạng gần như là 100%. Đó là lý do Vn-Index tăng rất mạnh ngày hôm nay
- Nếu đứng trên góc độ thuần phân tích kỹ thuật, thực ra Vn-Index vượt 1,680 điểm ngày hôm nay đã là xác nhận Vn-Index đã vào uptrend mới rồi
- Tuy vậy, ẩn số vẫn là kết quả nâng hạng được công bố 2 ngày tới. Tất nhiên, xác suất được nâng hạng đã gần như 100%, nhưng nhờ đâu kịch bản xấu xảy ra thì phản ứng của thị trường sẽ tương đối tiêu cực
- Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn cho rằng, hôm nay là phiên mua chuẩn theo phân tích kỹ thuật
- Nhóm ngành ưa thích của chúng tôi vẫn là: ngân hàng, chứng khoán, thép, và bất động sản

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
VPB	6.95%	HDG	7.00%	VCI	6.97%	MSN	3.75%	CII	6.12%	NKG	5.69%	POW	2.85%	DCM	4.15%
TPB	6.15%	DIG	6.98%	CTS	6.96%	DBC	2.60%	PC1	4.33%	HPG	5.61%	GAS	1.16%	GVR	3.18%
STB	4.91%	PDR	6.94%	DSE	6.93%	ANV	2.43%	HHV	3.65%	HSG	4.16%	NT2	1.08%	PHR	2.55%
ACB	4.48%	VRE	6.87%	DSC	6.93%	VNM	1.79%	VGC	3.58%	DHC	1.73%	GEG	0.95%	CSV	2.46%
EIB	4.37%	TCH	6.07%	HCM	6.91%	BAF	1.60%	VCG	2.75%	PTB	0.75%	REE	0.78%	DPM	2.29%
HDB	4.30%	DXG	5.99%	SSI	6.91%	SAB	1.32%	HTI	1.08%	ACG	-1.39%	TMP	0.00%	AAA	1.96%
SHB	4.19%	NLG	5.76%	VIX	6.90%	HAG	1.21%	CTD	0.73%			BWE	0.00%	DGC	1.42%
VIB	4.05%	HDC	5.58%	VND	6.82%	ASM	1.06%	CTR	0.49%			HNA	0.00%	DPR	0.95%
VCB	3.73%	DXS	5.17%	VDS	6.80%	VHC	0.91%	BMP	0.35%			VSH	-0.21%	VFG	-0.17%
SSB	3.68%	NVL	4.64%	AGR	6.76%	KDC	0.76%					SHP	-0.29%		
MSB	3.44%	IJC	4.35%	ORS	6.72%	SBT	0.42%					CHP	-0.31%		
CTG	3.15%	KDH	3.94%	FTS	6.00%	FMC	0.27%					PGD	-0.40%		
MBB	3.01%	KBC	3.90%	TVS	5.60%	MCM	0.18%					PPC	-0.47%		
TCB	2.74%	SIP	3.53%	BSI	5.56%	BHN	0.00%					PGV	-0.95%		
OCB	2.71%	QCG	2.86%	EVF	4.89%	VCF	-0.71%					TDM	-1.69%		
BID	2.39%	VHM	2.70%	BCG	-6.79%	PAN	-0.94%								
NAB	1.01%	SZC	2.12%												
LPB	-1.33%	VIC	1.81%												
		CRE	1.46%												
		BCM	0.75%												
		SJS	0.74%												
		KOS	0.13%												
		VPI	-0.53%												

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	HPG	HOSE	460.44	312.75	147.69
2	VIX	HOSE	199.87	52.30	147.57
3	ACB	HOSE	83.91	37.79	46.13
4	GEX	HOSE	85.35	41.58	43.77
5	BSR	HOSE	32.14	2.37	29.77
6	PDR	HOSE	26.03	0.50	25.53
7	HDG	HOSE	29.87	4.42	25.45
8	NVL	HOSE	35.24	13.41	21.83
9	DPG	HOSE	25.92	4.42	21.50
10	GVR	HOSE	20.34	0.11	20.24
11	VCI	HOSE	26.22	8.60	17.62
12	CTG	HOSE	92.39	75.84	16.55
13	VPL	HOSE	15.08	0.08	15.00
14	HHS	HOSE	22.83	7.97	14.86
15	GMD	HOSE	29.42	15.57	13.85

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	MWG	HOSE	44.63	355.40	- 310.77
2	MBB	HOSE	42.24	321.06	- 278.82
3	STB	HOSE	28.59	240.50	- 211.90
4	VRE	HOSE	35.86	232.29	- 196.43
5	HDB	HOSE	140.76	304.93	- 164.17
6	VHM	HOSE	154.07	317.07	- 163.01
7	TCB	HOSE	43.10	171.53	- 128.43
8	CII	HOSE	7.00	112.72	- 105.72
9	SHB	HOSE	95.77	193.16	- 97.38
10	FPT	HOSE	80.60	166.39	- 85.79
11	VNM	HOSE	17.13	83.83	- 66.70
12	MSN	HOSE	78.44	134.71	- 56.26
13	LPB	HOSE	21.63	70.58	- 48.95
14	VHC	HOSE	0.17	40.97	- 40.80
15	DGC	HOSE	0.80	40.69	- 39.90

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	65.00	1.56%	-7.14%	-13.33%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	61.00	1.67%	-7.58%	-15.28%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	3,881.00	1.07%	2.81%	46.95%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,146	-0.06%	-0.18%	3.33%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,403	-0.06%	-0.18%	3.33%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,615	0.00%	-0.02%	2.96%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.39%	-0.12%	-0.18%	0.35%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	2.85%	0.00%	0.01%	0.73%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	2.98%	0.00%	0.03%	0.81%

Tăng trưởng GDP quý III ước đạt 8,2%

GDP quý III ước tăng 8,2%, trong đó giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm, thủy sản là 3,74%; công nghiệp và xây dựng 9,46%; dịch vụ 8,54%. Như vậy, tăng trưởng GDP 9 tháng đạt 7,84% so với cùng kỳ, trong đó 3 khu vực lần lượt là 3,83%, 8,69% và 8,48%.

NHNN hút ròng gần 7.000 tỷ đồng, lãi suất liên ngân hàng trên ngưỡng 4%

Trong tuần từ 29/9 - 3/10, NHNN đã cho các thành viên vay tổng cộng gần 48.982 tỷ đồng với lãi suất 4% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá, và khối lượng đáo hạn lên tới hơn 55.854 tỷ đồng. Tổng cộng trong tuần qua NHNN đã hút ròng 6.872 tỷ đồng.

Giải ngân vốn đầu tư công tích cực, 9 tháng ước đạt 50% kế hoạch Thủ tướng giao

Ước giải ngân 9 tháng khoảng 440.400 tỷ đồng, đạt khoảng 50% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (nếu tính trên kế hoạch giao đầu năm thì đạt 55% kế hoạch), so với cùng kỳ năm 2024 cao hơn 45% về tỷ lệ và 132.600 tỷ đồng về số tuyệt đối.

Bản tin doanh nghiệp



Vint

MB đã bán ra gần 56 triệu cổ phiếu MBS

Giao dịch diễn ra theo phương thức khớp lệnh trên sàn, từ ngày 3/9/2025 đến ngày 2/10/2025. MB đã giảm lượng cổ phiếu nắm giữ tại MBS từ hơn 437,3 triệu đơn vị (tương đương 76,35% vốn), xuống còn gần 381,4 triệu đơn vị, tương đương 66,58% vốn điều lệ.



Sau tuyến đường sắt tốc độ cao, Vingroup (VIC) đề xuất xây cầu vượt biển nối từ khu đô thị lấn biển Cần Giờ

VIC vừa có văn bản gửi UBND TP. HCM, đề xuất được nghiên cứu đầu tư tuyến cầu vượt biển nối Cần Giờ với Vũng Tàu theo hình thức BT (xây dựng - chuyển giao).



Đạm Cà Mau ước lãi 344 tỷ quý III

Đạm Cà Mau cho biết tổng doanh thu hợp nhất 9 tháng đầu năm và lợi nhuận trước thuế tăng lần lượt 39% và 49% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng quý 3, doanh thu ước đạt 3.418 tỷ, tăng 28% so với quý III/2024 còn lãi trước thuế 344 tỷ, gấp 2,6 lần cùng kỳ.

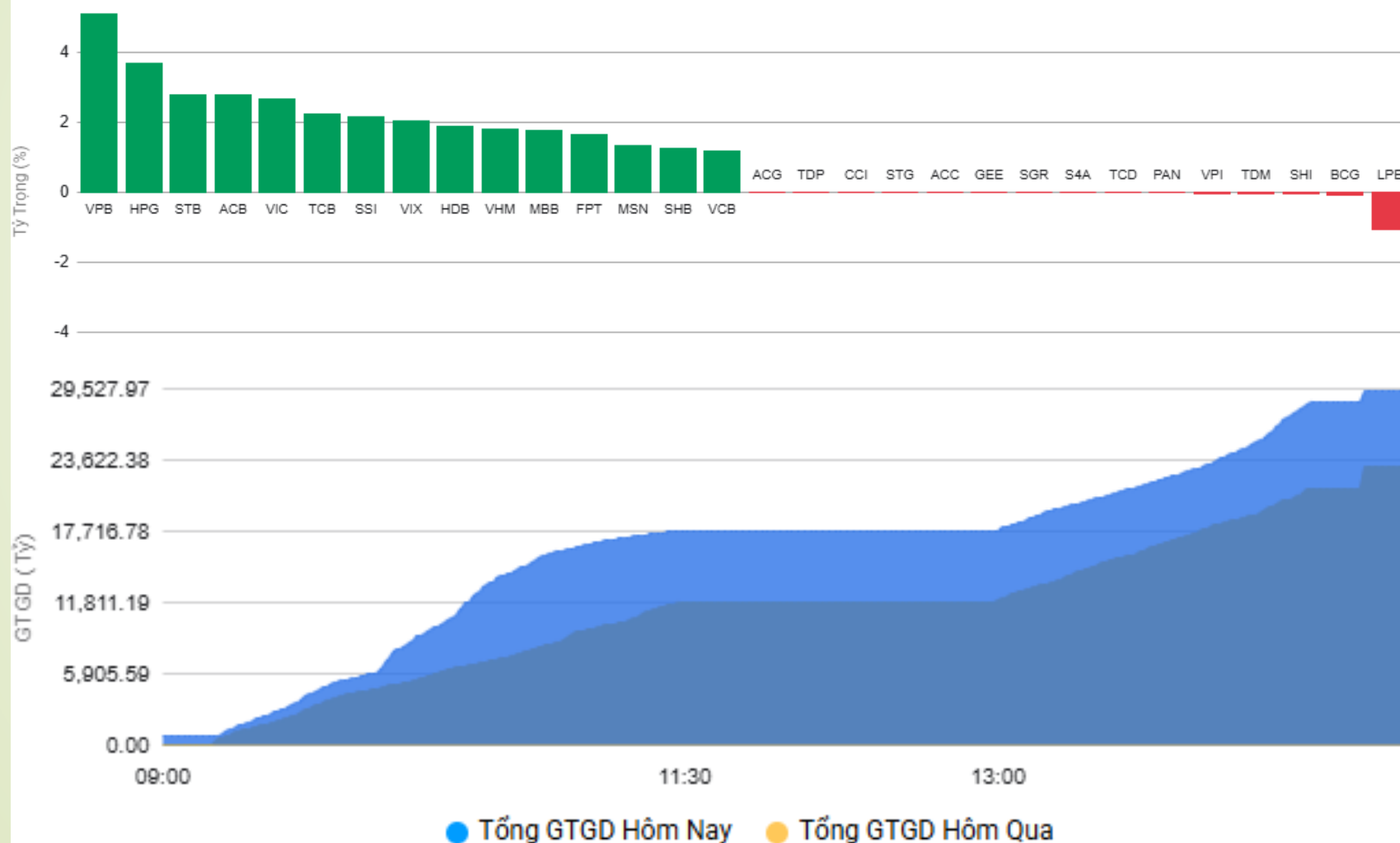
Lịch sự kiện

Mã	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
ASM	10/08/2025	10/07/2025	10/07/2025	Phát hành cổ phiếu	10.00%	
IJC	09/17/2025	09/16/2025	10/07/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
SZC	09/05/2025	09/04/2025	10/07/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VOS	09/19/2025	09/18/2025	10/10/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11.00%	1,100
GEX	09/11/2025	09/10/2025	10/10/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
SHP	10/02/2025	10/01/2025	10/14/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
NET	10/02/2025	10/01/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	65.00%	6,500
VHC	09/30/2025	09/29/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
CTR	10/01/2025	09/30/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21.50%	2,150
SSI	09/26/2025	09/25/2025	10/15/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
TA9	09/25/2025	09/24/2025	10/16/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14.16%	1,416
DMC	09/12/2025	09/11/2025	10/16/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
PVD	10/01/2025	09/30/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
HAT	09/17/2025	09/16/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HT1	09/15/2025	09/12/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1.00%	100
NST	09/16/2025	09/15/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.50%	1,050
CSV	06/20/2025	06/19/2025	10/17/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CTD	09/19/2025	09/18/2025	10/20/2025	Hợp hội đồng cổ đông		
MCP	07/31/2025	07/30/2025	10/20/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
PVI	10/02/2025	10/01/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	31.50%	3,150
TCB	10/01/2025	09/30/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
VTP	10/06/2025	10/03/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.81%	1,081
DIH	09/26/2025	09/25/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HCC	09/23/2025	09/22/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
TV3	07/17/2025	07/16/2025	10/22/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá	Khuyến nghị	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu	Giá mục tiêu (điều chỉnh)	Giá hiện tại (06/10/2025)	%	Đường dẫn báo cáo
VPB	20/5/2024	MUA	19,800	23,100	27,300	31,550	-13.5%	Link
TPB	1/7/2024	MUA	17,350	22,800	22,700	19,850	14.4%	Link
TCB	12/8/2024	MUA	21,250	26,300	32,200	39,400	-18.3%	Link
MBB	29/8/2024	MUA	24,850	30,400	28,500	27,350	4.2%	Link
ACB	23/9/2024	MUA	25,650	28,800	31,500	26,800	17.5%	Link
HDB	15/10/2024	KHẢ QUAN	27,150	30,200	35,300	31,500	12.1%	Link
CTG	28/11/2024	KHẢ QUAN	35,150	38,600	51,100	52,400	-2.5%	Link
VCB	24/2/2025	MUA	93,100	108,400	72,508	64,000	10.6%	Link
BID	20/3/2025	MUA	39,800	46,900	46,900	40,750	15.1%	Link
HPG	13/01/2025	MUA	25,900	33,800	31,500	29,200	7.9%	Link
HSG	14/02/2025	KHẢ QUAN	16,650	17,990	19,000	18,800	1.1%	Link
NKG	7/3/2025	KHẢ QUAN	16,100	17,380	16,600	17,650	-5.9%	Link
NLG	30/9/2024	MUA	41,550	48,500	48,500	39,500	22.8%	Link
KDH	23/10/2024	MUA	33,300	42,400	38,545	33,000	16.8%	Link
DXG	15/11/2024	MUA	16,150	18,800	20,800	21,250	-2.1%	Link
DXS	15/1/2025	KHẢ QUAN	6,500	7,000	12,000	12,200	-1.6%	Link
KBC	22/1/2025	MUA	28,950	36,000	36,000	36,000	0.0%	Link
VRE	21/3/2025	MUA	18,450	22,500	30,000	35,000	-14.3%	Link
HAH	31/3/2025	KHẢ QUAN	52,800	60,180	65,900	56,800	16.0%	Link
VHM	29/4/2025	KHẢ QUAN	58,400	66,100	87,200	102,700	-15.1%	Link
STB	14/5/2025	MUA	40,000	47,500	50,500	59,800	-15.6%	Link
GMD	27/5/2025	KHẢ QUAN	59,500	63,600	60,200	68,000	-11.5%	Link
HDC	5/6/2025	MUA	26,000	30,200	30,200	35,000	-13.7%	Link
VSC	18/06/2025	KHẢ QUAN	16,550	17,700	23,800	29,000	-17.9%	Link
PDR	30/6/025	KHẢ QUAN	18,050	20,200	18,704	23,100	-19.0%	Link
PVT	17/7/2025	KHẢ QUAN	18,100	19,900	19,900	18,200	9.3%	Link
BCM	4/8/2025	MUA	71,000	83,000	83,000	66,900	24.1%	Link
VCG	29/8/2025	MUA	25,550	30,000	30,000	28,000	7.1%	Link
CTD	24/9/2025	MUA	81,900	94400	94,400	83,100	13.6%	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.